***SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG***

**HỎI – ĐÁP**

**QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN**

*Luật Tiếp cận thông tin được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (sau đây viết là Luật Tiếp cận thông tin năm 2016). Ngày 23/01/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin (sau đây viết tắt là Nghị định số 13/2018/NĐ-CP). Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang giới thiệu quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP về* ***Công khai thông tin*** *thông qua Hỏi – đáp dưới đây.*

**1. HỎI: Những thông tin nào cơ quan nhà nước phải chủ động công khai rộng rãi để công dân tiếp cận?**

**ĐÁP:**

Những thông tin cơ quan nhà nước phải chủ động công khai rộng rãi để công dân tiếp cận được quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, bao gồm:

(1) Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

(2) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

(3) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

(4) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

(5) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

(6) Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

(7) Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

(8) Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

(9) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

(10) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

(11) Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

(12) Danh mục thông tin phải được công khai theo quy định của Luật tiếp cận thông tin; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

(13) Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

(14) Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

(15) Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Các thông tin nêu trên hầu hết là những thông tin đã được các văn bản quy phạm pháp luật (các đạo luật) chuyên ngành quy định phải được công khai. Luật Tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải công khai các loại thông tin nêu trên để tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin nhằm phục vụ cho nhu cầu trong cuộc sống của công dân, trong đời sống sinh hoạt, sản xuất... Đồng thời, việc công khai thông tin một cách chủ động và tích cực từ phía các cơ quan nhà nước tạo ra thông tin, nắm giữ thông tin sẽ làm giảm gánh nặng hành chính của các cơ quan nhà nước trong việc xử lý các Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin cũng như trong việc trả lời những câu hỏi và yêu cầu thông thường của công dân do thiếu thông tin, thiếu hiểu biết về hoạt động của các cơ quan nhà nước. Kinh nghiệm các nước cho thấy, khi các thông tin được công khai rộng rãi càng nhiều thì số lượng các yêu cầu tiếp cận thông tin của công dân sẽ càng giảm đi.

2. HỎI: Trong trường hợp thông tin không thuộc loại thông tin phải được công khai mà cơ quan nhà nước nhận thấy việc công khai thông tin là cần thiết thì cơ quan nhà nước có thể công khai hay không?

**ĐÁP:**

Khoản 2 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định: ngoài thông tin cơ quan nhà nước phải công khai đã được liệt kê trong Luật, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước *chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.* Quy định này nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc chủ động công khai các thông tin, từ đó sẽ giảm tải việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, giảm chi phí hành chính cũng như chi phí tiếp cận thông tin cho người dân.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định: trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý của chủ sở hữu bí mật kinh doanh, cá nhân, thành viên gia đình.

Như vậy, trong trường hợp thông tin không thuộc loại thông tin phải được công khai mà cơ quan nhà nước nhận thấy việc công khai thông tin là cần thiết thì cơ quan nhà nước có thể công khai thông tin đó theo các quy định nêu trên.

3. HỎI: Trường hợp thông tin phải được công khai rộng rãi có liên quan đến nhiều cơ quan thì cơ quan nào có trách nhiệm công khai thông tin?

**ĐÁP:**

Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 đã quy định rõ phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước. Cụ thể, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ trường hợp thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của Luật tiếp cận thông tin *(trừ Ủy ban nhân dân cấp xã)*.

Như vậy, theo quy định nêu trên, trong trường hợp thông tin có liên quan đến nhiều cơ quan thì cần xác định cơ quan nào là cơ quan tạo ra thông tin và cơ quan đó có trách nhiệm công khai thông tin rộng rãi theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định: *“Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản”.* Theo đó, có thể căn cứ vào quy định trên để xác định cơ quan tạo ra thông tin là cơ quan ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản đối với thông tin đó.

Bên cạnh đó, việc công khai thông tin còn phải căn cứ vào quy định của pháp luật trong từng lĩnh vực. Trường hợp pháp luật có quy định các cơ quan liên quan đều có trách nhiệm công khai thông tin thì ngoài cơ quan tạo ra thông tin, những cơ quan có liên quan cũng có trách nhiệm công khai thông tin rộng rãi.

4. HỎI: “Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” không đáp ứng định nghĩa về “thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra”, nhưng vẫn phải được công khai rộng rãi. Tại sao?

**ĐÁP:**

Một trong những loại thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 là “*Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật*” (điểm c khoản 1).

Hiện nay, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2020)* có nhiều quy định liên quan đến việc công khai dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ như: đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội thì trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan; đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và tờ trình trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là 60 ngày, trừ những văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Trong thời gian dự thảo đang được lấy ý kiến, nếu cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại dự thảo văn bản mà khác với dự thảo đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý (khoản 1 Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Tương tự, cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị định cũng có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo và đăng tải các tài liệu này trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo (điểm c khoản 2 Điều 90 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)...

Như vậy, có thể thấy tuy dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không đáp ứng được định nghĩa về *“thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra”* *(là văn bản chính thức, được ký, đóng dấu hoặc xác nhận của người có thẩm quyền)* nhưng cần phải được công khai trong các trường hợp nhất định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản tham gia đóng góp ý kiến ngay trong quá trình soạn thảo, góp phần bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cũng như bảo đảm tính khả thi, tính đồng thuận với các quy định của văn bản sau khi được ban hành. Đây là ngoại lệ duy nhất của phạm vi thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, là thông tin đã được tạo ra, thông tin chính thống.

5. HỎI: Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định về thời điểm công khai thông tin như thế nào?

**ĐÁP:**

Thời điểm công khai thông tin được quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016. Theo đó, thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Quy định trên cũng xuất phát từ nguyên tắc Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân, trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với quy định tại Điều 3 của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 thì được thực hiện theo quy định của luật đó. Quy định trên của Luật nhằm bảo đảm tính phù hợp, thống nhất giữa quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 với các văn bản quy phạm pháp luật khác, cũng như phù hợp với từng loại thông tin trong từng lĩnh vực. Về thực tiễn, trước khi Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 được ban hành, hệ thống pháp luật đã có nhiều văn bản quy định về việc công khai thông tin, trong đó quy định cụ thể thời điểm công khai thông tin. Do đó, thời điểm công khai các loại thông tin này sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành. Ví dụ: theo điểm a khoản 3 Điều 48 Luật Đất đai năm 2013, việc công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất “*được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt”*; theo khoản 1 Điều 80 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2020)*, *“Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua”*…

Bên cạnh đó, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 cũng có quy định điều chỉnh trong trường hợp pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về thời điểm công khai thông tin. Khoản 4 Điều 18 của Luật quy định: *“trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin”*.

6. HỎI: Luật Tiếp cận thông tin quy định có những hình thức công khai thông tin rộng rãi nào? Có nên áp dụng đồng thời các hình thức không?

**ĐÁP:**

Để tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin và để có căn cứ cho cơ quan nhà nước thực hiện trách nhiệm công khai thông tin, bên cạnh việc quy định các loại thông tin cơ quan nhà nước có trách nhiệm công khai, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 còn quy định các hình thức công khai thông tin (khoản 1 Điều 18), bao gồm:

(1) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

(2) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;

(3) Đăng Công báo;

(4) Niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác;

(5) Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

(6) Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng quy định đó. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 bảo đảm để công dân tiếp cận được thông tin.

Bên cạnh đó, trong quá trình công khai thông tin, cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cần căn cứ vào đối tượng tiếp cận, nội dung thông tin và điều kiện thực tiễn của cơ quan cũng như đặc điểm ở địa phương để quyết định hình thức công khai thông tin cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí mà không áp dụng đồng thời tất cả các hình thức công khai thông tin nêu trên.

7. HỎI: Cơ quan nhà nước phải công khai những thông tin nào trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử?

**ĐÁP:**

Khoản 1 Điều 19 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định những thông tin mà cơ quan nhà nước phải công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, bao gồm:

(1) Văn bản quy phạm pháp luật; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

(2) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

(3) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

(4) Thông tin về danh mục dự án, chương trình và kết quả thực hiện đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, các nguồn vốn vay;

(5) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước, người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

(6) Báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

(7) Danh mục thông tin phải được công khai, trong đó phải nêu rõ địa chỉ, hình thức, thời điểm, thời hạn công khai đối với từng loại thông tin;

(8) Các thông tin nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

(9) Các thông tin khác mà pháp luật quy định phải đăng trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử.

Ngoài các thông tin nêu trên, theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động đăng tải *thông tin khác do mình* *tạo ra* trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử.

8. HỎI: Trường hợp cơ quan nhà nước chưa có Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử thì công khai thông tin bằng hình thức nào?

**ĐÁP:**

Trên thực tế tình hình xây dựng và vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử có sự khác biệt rất lớn giữa các cơ quan nhà nước ở các cấp khác nhau. Chính vì vậy, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 có những quy định riêng để áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể. Theo đó, việc công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 2 Điều 19). Trường hợp cơ quan nhà nước chưa có cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm công khai thông tin bằng hình thức thích hợp khác (khoản 6 Điều 19).

9. HỎI: Cơ quan nhà nước có được phép quyết định việc công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng hay không? Việc công khai thông tin trên báo chí được thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 hay Luật báo chí?

**ĐÁP:**

Công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng là một trong những hình thức công khai thông tin được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

Điều 20 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định cụ thể việc công khai thông tin đối với hình thức này như sau:

*”1. Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cơ quan thông tin đại chúng những thông tin theo quy định của pháp luật phải được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.*

*2. Việc đăng, phát thông tin trên báo chí thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí. Khi đăng, phát thông tin, cơ quan thông tin đại chúng phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin”.*

10. HỎI: Trong trường hợp nào thì cơ quan nhà nước phải công khai thông tin bằng hình thức niêm yết?

**ĐÁP:**

Theo quy định tại Điều 21 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, việc công khai thông tin bằng hình thức niêm yết được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chẳng hạn, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc niêm yết văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Đất đai quy định về việc niêm yết thông báo thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh... Do vậy, trong quá trình thực hiện công khai thông tin, cơ quan nhà nước có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, trong trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thông tin phải được công khai bằng hình thức niêm yết thì cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm tuân thủ quy định này.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tính bao quát và có quy định pháp luật điều chỉnh trong mọi trường hợp, khoản 2 Điều 21 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định *”Đối với những thông tin được công khai bằng hình thức niêm yết mà pháp luật chưa quy định cụ thể về địa điểm, thời hạn niêm yết thì phải được niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước hoặc địa điểm sinh hoạt cộng đồng trong thời hạn ít nhất là 30 ngày”*.

11. HỎI: Cơ quan nhà nước có được phép căn cứ vào điều kiện thực tế để công khai thông tin thông qua các hình thức khác mà không trái với quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các luật khác hay không?

**ĐÁP:**

Ngoài các hình thức công khai thông tin được quy định cụ thể, điểm e khoản 1 Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định *“các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định”*. Như vậy, cơ quan nhà nước được phép căn cứ vào điều kiện thực tế để công khai thông tin thông qua các hình thức khác thuận lợi cho công dân.

Đồng thời, khoản 2 Điều này cũng quy định: *“Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này bảo đảm để công dân tiếp cận được thông tin”.* Như vậy, khi pháp luật không có quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì cơ quan nhà nước căn cứ vào điều kiện thực tế để lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin tại khoản 1 Điều 18 (như đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng Công báo, niêm yết tại trụ sở...) để công dân tiếp cận được thông tin.

12. HỎI: Trường hợp phát hiện thông tin công khai không chính xác thì phải xử lý như thế nào?

**ĐÁP:**

Điều 22 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định cụ thể việc xử lý các trường hợp thông tin công khai không chính xác, cụ thể như sau:

***Thứ nhất,*** trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra và đã được công khai không chính xác thì cơ quan đó có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

***Thứ hai,*** trường hợp phát hiện thông tin do cơ quan khác tạo ra nhưng do mình công khai không chính xác thì cơ quan đã công khai thông tin có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

***Thứ ba,*** trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra nhưng được cơ quan khác công khai không chính xác thì cơ quan tạo ra thông tin có trách nhiệm yêu cầu cơ quan đã công khai thông tin kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

***Thứ tư,*** trường hợp công dân cho rằng thông tin công khai không chính xác thì kiến nghị với cơ quan đã công khai thông tin đó. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan đó có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của thông tin và trả lời cho công dân; trường hợp xác định thông tin công khai không chính xác thì phải kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

(5) Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó.

**13. HỎI: Cơ quan nhà nước có trách nhiệm gì để đảm bảo sẵn sàng công khai thông tin trên trang/cổng thông tin điện tử?**

**ĐÁP:**

Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc lưu giữ hồ sơ, tài liệu đã được nhập vào danh mục và phải xếp loại theo cách thức, hình thức tạo thuận lợi cho việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; bảo đảm thông tin có thể được lưu trữ điện tử, phải được số hóa trong một thời hạn thích hợp và được để mở cho mọi người tiếp cận; đồng thời, phải kết nối với mạng điện tử trên toàn quốc để có thể truy cập dễ dàng từ các hệ thống khác nhau *(khoản 3 Điều 19 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016)*.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin và số hóa các thông tin, tài liệu là giải pháp hữu hiệu, bảo đảm việc công bố công khai thông tin được kịp thời, nhanh chóng và trên diện rộng nhất, thuận tiện cho cả cơ quan nhà nước và công dân trong việc thực hiện trách nhiệm cũng như quyền của mình. Với tinh thần của Luật là công khai tối đa các loại thông tin cần phải công khai trên trang thông tin điện tử/cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin, mở rộng việc tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu qua phương tiện điện tử như qua email, qua các thiết bị công nghệ hiện đại, việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa thông tin là yêu cầu bắt buộc đối với các cơ quan nhà nước. Đây cũng là một trong những giải pháp để thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử và mục tiêu xây dựng Chính phủ công khai, minh bạch, phục vụ người dân.

Vì vậy, Nghị định số 13/2018/NĐ-CPQuy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin quy định về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin như sau:

*“1. Người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin bảo đảm các biện pháp kỹ thuật nhằm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin; tổ chức số hóa, sử dụng kỹ thuật công nghệ thông tin trong quản lý tài liệu điện tử, quản lý thông tin, theo dõi việc cung cấp thông tin thông qua Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu dưới dạng bản giấy hoặc bản điện tử để đảm bảo cung cấp thông tin cho công dân thuận lợi, kịp thời, dễ dàng tra cứu.*

*2. Tùy theo tình hình thực tế, chữ ký số có thể được sử dụng trong các trường hợp thông báo từ chối, gia hạn, thông báo về việc giải quyết yêu cầu tiếp cận thông tin trong trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua mạng điện tử”.*

**14. HỎI: Việc xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử được quy định như thế nào?**

**ĐÁP:**

Điều 11 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP quy định về trách nhiệm xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử như sau:

Cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan mình để đăng tải Danh mục thông tin phải được công khai, thông tin về đầu mối cung cấp thông tin cho công dân, địa chỉ tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin qua mạng điện tử và tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân về tiếp cận thông tin; các mẫu phiếu sử dụng trong cung cấp thông tin; các hướng dẫn, tài liệu để hỗ trợ người yêu cầu cung cấp thông tin; địa chỉ truy cập để tải thông tin (nếu có).

Các đơn vị liên quan phụ trách cơ sở dữ liệu của cơ quan có trách nhiệm duy trì, lưu giữ, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu và kết nối với Chuyên mục về tiếp cận thông tin để thuận tiện cho việc truy cập thông tin của công dân.

**15. HỎI: Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định như thế nào về công khai thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng?**

**ĐÁP:**

Đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử là hình thức công khai thông tin nhanh, rẻ và hiệu quả nhất. Tuy nhiên, không phải người dân nào ở bất cứ đâu cũng có thể sử dụng hình thức này để tiếp cận thông tin. Ở các vùng nông thôn, vùng xa xôi hẻo lánh, nơi cơ sở vật chất, kỹ thuật còn thiếu, trình độ dân trí chưa cao, việc công bố trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử chưa phải là một biện pháp hữu hiệu để người dân có thể tiếp cận thông tin.

Vì vậy, để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực, bảo đảm mọi người dân có cơ hội ngang nhau trong việc tiếp cận thông tin, Điều 20 Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định: *“1. Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cơ quan thông tin đại chúng những thông tin theo quy định của pháp luật phải được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.*

*2. Việc đăng, phát thông tin trên báo chí thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí. Khi đăng, phát thông tin, cơ quan thông tin đại chúng phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin”.*

Chẳng hạn, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2020)* quy định văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải được thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, Do vậy, sau khi ban hành văn bản, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải chuyển văn bản cho các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn địa phương để công bố rộng rãi đến nhân dân.

Cần lưu ý rằng, việc đăng, phát thông tin trên báo chí thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí. Khi đăng, phát thông tin, cơ quan thông tin đại chúng phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin.

**16. HỎI: Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định như thế nào về việc công khai thông tin bằng hình thức đăng Công báo, niêm yết?**

**ĐÁP:**

Điều 21 Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định việc công khai thông tin bằng hình thức đăng Công báo, niêm yết được thực hiện theo quy định của pháp luật.

***\* Đối với việc công khai thông tin bằng hình thức đăng Công báo:*** Nghị định số 34/2016//NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(được sửa đổi, bổ sung năm 2020)* quy định hai loại Công báo, đó là Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Công báo cấp tỉnh. Theo quy định của Nghị định này thì việc đăng Công báo được áp dụng đối với một số loại văn bản nhất định, chủ yếu là văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế. Cụ thể:

- Những văn bản được đăng trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

+ Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành.

+ Điều ước quốc tế đã có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

+ Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật.

+ Quyết định đình chỉ việc thi hành, quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật.

+ Văn bản đính chính văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành.

+ Danh mục văn bản, quy định hết hiệu lực thi hành do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương lập, gửi đăng Công báo.

+ Văn bản pháp luật khác do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành.

- Những văn bản được đăng trên Công báo cấp tỉnh bao gồm:

+ Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành.

+ Văn bản do cơ quan, người có thẩm quyền ở cấp tỉnh xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp

luật.

+ Văn bản đính chính văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành.

+ Danh mục văn bản, quy định hết hiệu lực thi hành do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở cấp tỉnh lập, gửi đăng Công báo.

+ Văn bản pháp luật khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Việc đăng văn bản quy định trong trường hợp này do cơ quan ban hành quyết định.

Nguyên tắc gửi, tiếp nhận, đăng văn bản trên Công báo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc gửi, tiếp nhận, đăng văn bản trên Công báo được thực hiện theo quy định của Nghị định số 34/2016//NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

***\* Đối với việc công khai thông tin bằng hình thức niêm yết:*** hình thức này được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau điều chỉnh các lĩnh vực cụ thể. Chẳng hạn, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định về việc niêm yết văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Luật phòng, chống tham nhũng và Luật đất đai quy định về việc niêm yết quy hoạch sử dụng đất đai... Do vậy, trong quá trình thực hiện công khai thông tin, cơ quan nhà nước có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, trong trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thông tin phải được công khai bằng hình thức niêm yết thì cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm tuân thủ quy định này.

Bên cạnh đó, cần lưu ý Luật tiếp cận thông tin năm 2016 quy định đối với những thông tin được công khai bằng hình thức niêm yết mà pháp luật chưa quy định cụ thể về địa điểm, thời hạn niêm yết thì phải được niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước hoặc địa điểm sinh hoạt cộng đồng trong thời hạn ít nhất là 30 ngày./.